



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635

TELEPHONE:

IV#:

VEWL#:

I-171# Y NO

EXIT VISA#:

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM

SANH

Last

PHƯỚC

Middle

NGUYỄN

First

Current Address: 270/49 ĐỒNG ĐÀ 1 - QUẬN BÌNH THẠNH - HỒ CHÍ MINH CITY

Date of Birth: 2 - 11 - 1941 Place of Birth: TRÀ VINH

Previous Occupation (before 1975) SERGEANT-MAJOR - OPERATION SERGEANT
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP

Dates: From 20-8-1975 To 30-9-1980

Years: 5 Months: 1 Days: 10

3. SPONSOR'S NAME:

Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone Number

Relationship

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: 17-1-1990

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : SANH PHUOC NGUYEN^{AN}
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
1. <u>VÕ THỊ KIM LOAN</u>	<u>28-4-1939</u>	<u>WIFE</u>
2. <u>NGUYỄN ĐÌNH VINH</u>	<u>15-4-1966</u>	<u>SON</u>
3. <u>NGUYỄN PHƯỚC THIÊN</u>	<u>26-4-1967</u>	<u>SON</u>

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

270/49 ĐÔNG ĐA 1 - QUẬN BÌNH-THANH
HỒ CHÍ MINH CITY

6. ADDITIONAL INFORMATION :

- Bravery Awards :
 - 9 Silver medals
 - 1 Bronze medal
 - 1 Special bravery and heroic medal
 - 1 Parachute Certificate by Việt Nam Special Forces (VNSF)
 - 1 Parachute qualification issued by the 5th USSF GROUP.
- IN RE-EDUCATION CAMP (1975-1980) : BIÊN HÒA - PHƯỚC QUỐC (South, VN) - LẠO CẠI - SƠN LA - YÊN BÁI - VINH PHU (NORTH VN)

ĐO NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTG, ban hành theo công văn số 2565 ngày 21 tháng 11 năm 1972

Trại CT Tập 1 tập

Số 342-GRT

0 1 0 1 3 7 7 1 3 8 5 2

SHSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Công an.

Thi hành MUVWV quyết định tha số 342 ngày 31 tháng 8 năm 1980 của Bộ Nội vụ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh Nguyễn Phước Sanh

Họ, tên thường gọi

Họ, tên bí danh

Sinh ngày tháng năm 1947

Nơi sinh Trà Vinh

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt ID Đoàn 1000, Tân Sơn, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh

Cán tội Pháo kích mạng

Bị bắt ngày 20-8-1975 An phạt TTCT

Theo quyết định, án văn số ngày tháng năm của

Đã bị tăng án lần, cộng thành năm tháng

Đã được giảm án lần, cộng thành năm tháng

Nay về cư trú tại ID Đường phố Quốc, Tân Sơn, Tân Bình, TP Hồ Chí Minh

Nhận xét quá trình cải tạo

Tư tưởng: tiến bộ, chấp hành tốt kỷ luật chính sách giáo dục của Đảng và Nhà nước. Trong lao động có nhiều cố gắng.

Học tập chấp hành tốt các quy định chấp hành nghiêm.

Hàng năm xếp loại cải tạo trung bình.

Lần tay ngón trái phải

Cá Nguyễn Phước Sanh

Đanh bản số 2245

Lớp tại quân Pháp.



Họ, tên người được cấp giấy

Sanh

Nguyễn Phước Sanh

Ngày cấp giấy năm 1980

Chức vụ



Thiếu tá: Bùi Văn Chiêu

Tòa hành chánh quận Nhì

TRÍCH LỤC BỘ HÔN THỦ



SỐ HIỆU 03

NĂM 19 64

Tên, họ chồng	NGUYỄN-PHƯỚC-SANH
Ngày và nơi sanh	2/II/1941, Trà-Vinh
Tên họ cha chồng	Nguyễn-văn-Thuần(c)
Tên họ mẹ chồng	Hồ-thị-Biểu(s)
Tên, họ vợ	VÕ-THỊ-KIM-LOAN
Ngày và nơi sanh	28/4/1939 Mỹ-hiệp, Longxuyên
Tên họ cha vợ	Võ-sanh-Hoành(c)
Tên họ mẹ vợ	Trương-thị-Tích(s)
Ngày lập hôn thú	20 tháng 01 năm 1964
Có lập hôn khế không	-----

MIỄN LỆ PHÍ

TRÍCH LỤC Y BẢN CHÍNH.



ngày 20 tháng 03 năm 19 73

QUẢN TRƯỞNG QUẬN II SL

DƯƠNG HỮU XƯƠNG

TRƯỞNG, Thủ-Đầu-Đầu

Một bản chánh gây thả vì Khai-sa-l

Ngày 3/1/1953

do Võ-Thị-KIM-Loan

xin cấp đã được

trước Khai-sa-l

Công Đoàn-Bá-Lộc

Chánh Tòa TRƯỞNG, Thủ-Đầu-Đầu

Võ-Thị-KIM-Loan

với tư cách Tham-Phán Hội-Giải, lập ngay

3/1/1953

Ngày 3/1/1953

và đã trước-bạ :

TRÍCH RA NHƯ SAU ĐÂY :

Những nhân chứng này, sau khi nghe đọc điều 16 của Nghị-định
ngày 17-11-1947 của Thủ-Tướng Chánh-Phủ Lưu-Thời-Nam-Pháp
Việt-Nam và điều 555 và 556 của Pháp-Phủ Luật Cảnh-Chỉ-sơn-điền của
Sắc-Lệnh ngày 31-12-1942 và sau khi nghe-mặc, qua-quốc và hỏi
chắc rằng :

VÕ-THỊ-KIM-LOAN, nữ, sinh ngày 20 tháng 4 năm
1939, tại làng Mỹ-Hiệp (tỉnh Long-Xuyên) con của Võ-Sanh-
Hoành và Trương-Thị-Tịch ./.

TRÍCH-LỤC Y THEO BẢN CHÁNH

Châu-Độc 1 tháng 6 năm 1965

Là-phụ 5200

Có lập lại số, ngày tháng,
và năm trên đây một
bản trích-lục.

Đã soát và tính máy. t:



KHAI SANH

Tên, họ ấu-nhi : Nguyen-Dinh-Vinh .

Phái : nam

Sanh : Mười lăm tháng tư, năm một ngàn chín trăm
(Ngày, tháng, năm)
Tại : (Mỹ-Phước) sáu mươi sáu.

Cha : Nguyen Phước Sanh
(Tên, họ)

Tuổi : Hai mươi lăm tuổi

Nghề - nghiệp : Trung-Sĩ

Cư - trú tại : Mỹ-Phước

Mẹ : Võ Thị Kim Loan
(Tên, họ)

Tuổi : Hai mươi bảy tuổi

Nghề - nghiệp : Nội-trợ

Cư - trú tại : Mỹ-Phước

Vợ : Võ-Chánh

Người khai : Phan Văn Bền
(Tên, họ)

Tuổi : Sáu mươi ba tuổi

Nghề - nghiệp : Bác-Sĩ

Cư - trú tại : Mỹ-Phước

Ngày khai : 19 tháng 4dl, 1966

Người chứng thứ nhất : Lê Thị Tươi
(Tên, họ)

Tuổi : Hai mươi lăm tuổi

Nghề - nghiệp : Nữ hộ sinh

Cư - trú tại : Mỹ-Phước

Người chứng thứ nhì : Lê Thị Đẹt
(Tên, họ)

Tuổi : Bốn mươi chín tuổi

Nghề - nghiệp : Lao Công

Cư - trú tại : Mỹ-Phước

ĐƠN TẬP ĐUNG TRUNG AN
ĐÔI Năm 66

Thức, ngày 7 tháng 8 năm 66
ĐƠN VIÊN HỒ TỊCH



Làm tại Mỹ-Phước. , ngày 19 tháng 4dl, năm 1966.

KIỂM-BO
Kiểm soát đúng y trong
H V KIỂM-SOÁT.

Người khai,
Phan Văn Bền
(kyten)

Hộ lại,
Nguyen Duy Hinh
(kyten)

Nhân chứng,
Lê Thị Tươi
Lê Thị Đẹt (kyten)

8955.

KHAI SANH

Tên, họ ấu-nhi: Nguyễn-hức-nhiên

Phái: Nam

Sinh: Hai mươi sáu, tháng tư, năm một ngàn chín
(Ngày, tháng, năm)

Tại: (Mỹ-hước) trăm sáu mươi bảy.

Cha: Nguyễn-hức-Sanh
(Tên, họ)

Tuổi: Hai mươi sáu tuổi

Nghề-nghiep: viên nhân

Cư-trú tại: Mỹ-hước

Mẹ: Võ-Thị-Kim-Loan
(Tên, họ)

Tuổi: Hai mươi tám tuổi

Nghề-nghiep: Nội-trợ

Cư-trú tại: Mỹ-hước

Vợ: Vợ-chánh

Người khai: Huỳnh-Trung-Nhi
(Tên, họ)

Tuổi: Sáu mươi lăm tuổi

Nghề-nghiep: Bác-Sĩ

Cư-trú tại: Mỹ-hước

Ngày khai: 27 tháng 4đl, 1967

Người chứng thứ nhất: Bùi-Thị-Nguy-Nga
(Tên, họ)

Tuổi: Ba mươi tám tuổi

Nghề-nghiep: Nữ-học-sinh

Cư-trú tại: Mỹ-hước

Người chứng thứ nhì: Nguyễn-Kim-Toàn
(Tên, họ)

Tuổi: Ba mươi hai tuổi

Nghề-nghiep: Nữ-học-sinh

Cư-trú tại: Mỹ-hước

Làm tại Mỹ-hước, ngày 27 tháng 4đl, năm 1967.

Kiểm-động y trong Bộ Người khai, Huỳnh-Trung-Nhi Hộ-lại, Trần-Văn-Khau, Nhận-chứng Bùi-Thị-Nguy-Nga
KIỂM-SOÁT. (kyten) (kyten) Nguyễn-Kim-Toàn. (kyten)

TRẦN-THỊ-KIM-TRANG



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: _____

IV#: _____

VEWL#: _____

I-171#: Y NO

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM SANH PHƯỚC NGUYỄN
Last Middle First

Current Address: 270/49 ĐỒNG ĐÀ 1, QUẬN BÌNH THẠNH - HỒ CHÍ MINH CITY

Date of Birth: 2-11-1941 Place of Birth: TRÀ VINH

Previous Occupation (before 1975) SERGEANT-MAJOR - OPERATION SERGEANT
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 20-8-1975 To 30-9-1980
Years: 5 Months: 1 Days: 10

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: 17-1-1990

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : SANH PHƯỚC NGUYỄN
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
1. VÕ THỊ KIM LOAN	28 - 11 - 1939	WIFE
2. NGUYỄN ĐÌNH VINH	15 - 11 - 1966	SON
3. NGUYỄN PHƯỚC THIÊN	26 - 11 - 1967	SON

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

270/49 ĐỒNG ĐÀ 1 - QUẬN BÌNH THẠNH
HỒ CHÍ MINH CITY

6. ADDITIONAL INFORMATION :

- Bravery Awards : - 9 silver medals
 - 1 Bronze medal
 - 1 special bravery and heroic medal
 - 1 Parachute Certificate by Việt Nam Special Forces (VNSF)
 - 1 Parachute qualification issued by the 5th USSF GROUP.
- IN RE-EDUCATION CAMP (1975-1980) : BIÊN HÒA - PHÚ QUỐC (South VN) LẠO CAI - SƠN LA - YÊN BÁI - VINH PHÚ (NORTH VN)

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTG, ban hành theo công văn số 2565 ngày 21 tháng 11 năm 1972.

Trại CT Tân Lập

Số 342-GRT

0 1 0 1 3 7 7 1 3 8 5 2

SHSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Công an.
Thi hành WVVVVV quyết định tha số 342 ngày 31 tháng 8 năm 1980
của Bộ Nội vụ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh: Nguyễn Phước Sanh

Họ, tên thường gọi:

Họ, tên bí danh:

Sinh ngày tháng năm 1941

Nơi sinh: Tân Vĩnh

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt: ID Đường Phở Quang, Tân Sơn, Tân Bình, TP Hồ Chí Minh

Cán tội: Phóng chim mòng

Bị bắt ngày 20-8-1975 An ninh TTCT

Theo quyết định, án văn số ngày tháng năm của

Đã bị täng án lần, công thành năm tháng

Đã được giảm án lần, công hành năm tháng

Nay về cư trú tại ID Đường Phở Quang, Tân Sơn, Tân Bình, TP Hồ Chí Minh

Nhận xét quá trình cải tạo

Tư tưởng: tin tưởng vào đường lối chính sách giáo dục của Đảng và Nhà nước. Trong lao động có nhiều cố gắng.
Học tập: tham gia đầy đủ nội quy chấp hành nghiêm.
Hàng năm xếp loại cải tạo trung bình.

Lên tay ngón trỏ phải

Cá: Nguyễn Phước Sanh

Danh bân số 2245

Lớp tại: quân Pháp

Họ, tên, ký
người được cấp giấy

Sanh

Nguyễn Phước Sanh

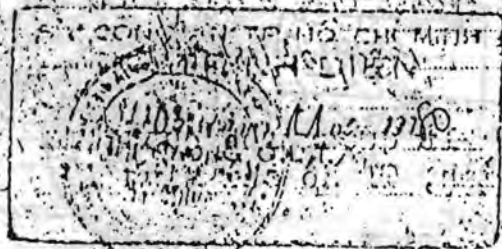
Ngày cấp giấy 9 năm 1980

Chức vụ

Thiếu tá: Bùi Văn Chiêu



1000



Số: 2464/VN-UB

SAD. Y. BEN. (1441)

Im Ngày 14 tháng 10 năm 1988

TM. UDNQ. F2/B5

UY VIEN THE KY



Myungyeo Lee - 1998



Tòa hành chánh quận Nhì

TRÍCH LỤC BỘ HÔN THỦ



SỐ HIỆU

03

NĂM 19

64

MIỄN LỆ PHÍ

Tên, họ chồng	NGUYỄN-PHƯỚC-SANH
Ngày và nơi sanh	2/II/1941, Trà-Vinh
Tên họ cha chồng	Nguyễn-văn-Thuần(c)
Tên họ mẹ chồng	Hồ-thị-Biểu(s)
Tên, họ vợ	VÕ-THỊ-KIM-LOAN
Ngày và nơi sanh	28/4/1939 Mỹ-hiệp, Longxuyên
Tên họ cha vợ	Võ-sanh-Hoành(c)
Tên họ mẹ vợ	Trương-thị-Tích(s)
Ngày lập hôn thú	20 tháng 01 năm 1964
Có lập hôn khế không	-----

TRÍCH LỤC Y BẢN CHÍNH



ngày 20 tháng 03 năm 19 73

QUẢN TRƯỞNG QUẬN II

DUYỆT HỮU-XƯƠNG

ĐOÀN-THÁP

Toà Tòa-Giải-Phóng-quyền-chân-tộc

SỞ TƯ-Pháp NAM-Phước

ĐOÀN-THÁP

Một bản chính giấy tờ vi Khai-sanh

Ngày 3/1/1965

do Võ-Thị-KIM-Loan

xin cấp đã được

ngày trước Khai-sanh

Ông Đoàn-Bá-Lộc

Chánh-tòa Tòa-Phóng-quyền-chân-tộc

Võ-Thị-KIM-Loan

với tư cách Thẩm-Phán Hoà-Giải, lập ngày 2/8/1963

1/65/21

và đã trước-bạ :

TRÍCH RA NHƯ SAU ĐÂY :

Những nhân chứng này, sau khi nghe đọc điều 16 của Ngã-dịch
ngày 17-11-1947 của Thủ-Tướng Chánh-Phủ Lào-Thời Nam-Phước
Việt-Nam và điều 565 và 566 của Pháp-Luật Cảnh-Giới năm 1951
Sắc-Lệnh ngày 31-12-1952 và sau khi tuyên-thệ, quyết-quyết và chắc
chắc rằng :

VÕ-THỊ-KIM-LOAN, nữ, sinh ngày 20 tháng 4 năm
1933, tại làng Mỹ-Hiệp (tỉnh Long-Xuyên) con của Võ-Sanh-
Hoành và Trương-Thị-Tịch ./.

TRÍCH-LỤC Y THEO BẢN CHÁNH

Chân-Tộc ngày 1 tháng 3 năm 1965

Lá-phối 1200

(1) Tập lại số, ngày tháng,
và năm trên đây một
bản xin trích-lục.

Đã soát và tính này. Yết:



NSE

Số hiệu : _____

920.

KHAI SANH

Tên, họ ấu-nhi : Nguyen-Đình-Vinh .
Phái : Nam
Sanh : Mười lăm tháng tư, năm một ngàn chín trăm
^(Ngày, tháng, năm)
Tại : (Mỹ-Phước) sáu mươi sáu.
Cha : Nguyen Phước Sanh
^(Tên, họ)
Tuổi : Hai mươi lăm tuổi
Nghề - nghiệp : Trung-Sĩ
Cư - trú tại : Mỹ-Phước
Mẹ : Vợ Thị Kim Loan
^(Tên, họ)
Tuổi : Hai mươi bảy tuổi
Nghề - nghiệp : Nội-trợ
Cư - trú tại : Mỹ-Phước
Vợ : Vợ-Chánh
Người khai : Phan Văn Bân
^(Tên, họ)
Tuổi : Sáu mươi ba tuổi
Nghề - nghiệp : Bác-Sĩ
Cư - trú tại : Mỹ-Phước
Ngày khai : 19 tháng 4đl, 1966
Người chứng thứ nhất : Lê Thị Tươi
^(Tên, họ)
Tuổi : Hai mươi lăm tuổi
Nghề - nghiệp : Nữ hộ sinh
Cư - trú tại : Mỹ-Phước
Người chứng thứ nhì : Le Thị Đẹt
^(Tên, họ)
Tuổi : Bốn mươi chín tuổi
Nghề - nghiệp : Lao Công
Cư - trú tại : Mỹ-Phước

Làm tại Mỹ-Phước. , ngày 19 tháng 4đl, năm 1966.

KIỂM-BO
Kiểm soát đúng y trong Bộ-Đo
KIỂM-SOÁT.
Người khai, Phan Văn Bân , Hộ lại, Nguyen Duy Hinh , Nhân chứng, Lê Thị Tươi
(kyten) (kyten) Le Thị Đẹt(kyten)

KHAI SANH

Tên, họ ấu-nhi : Nguyen-huộc-biên

Phái : Nam

Sanh : Hai mươi sáu, tháng tư, năm một ngàn chín
(Ngày, tháng, năm)

Tại : (Mỹ-huộc) trăm sáu mươi bảy.

Cha : Nguyen-huộc-Sanh
(Tên, họ)

Tuổi : Hai mươi sáu tuổi

Nghề-nghiep : viên nhân

Cư-trú tại : Mỹ-huộc

Mẹ : Võ Thị Kim Loan
(Tên, họ)

Tuổi : Hai mươi tám tuổi

Nghề-nghiep : Nội-trợ

Cư-trú tại : Mỹ-huộc

Vợ : Vợ-chánh

Người khai : Huỳnh Trung Nhị
(Tên, họ)

Tuổi : Đến mười lăm tuổi

Nghề-nghiep : Bác-Sĩ

Cư-trú tại : Mỹ-huộc

Ngày khai : 27 tháng 4dl, 1967

Người chứng thứ nhất : Bùi Thị Nguy Nga
(Tên, họ)

Tuổi : Ba mươi tám tuổi

Nghề-nghiep : Nữ hộ sinh

Cư-trú tại : Mỹ-huộc

Người chứng thứ nhì : Nguyen Kim Toàn
(Tên, họ)

Tuổi : Ba mươi hai tuổi

Nghề-nghiep : Nữ hộ sinh

Cư-trú tại : Mỹ-huộc

Làm tại Mỹ-huộc, ngày 27 tháng 4dl, năm 1967.

KIỂM-ĐO

Được kiểm soát đúng y trong
M. KIỂM-SOÁT.

Người khai,
Huỳnh Trung Nhị
(kyten)

Hộ lại,
Trần Văn Khau,
(kyten)

Nhân chứng
Bùi Thị Nguy Nga
Nguyen Kim Toàn. (kyten)

TRẦN-THỊ-KIM-TRANG

---*---

Ngày 22 Tháng 12 Năm 1989

Kính gửi :

C. Nguyễn Phước Paul

Thưa Ông/Bà,

Chúng tôi rất cảm động khi nhận được thư của Ông/Bà để ngày

Điều lăm cho chúng tôi vui mừng hơn là được biết Ông/Bà vẫn mạnh và kiên tâm chờ ngày đoàn tụ.

Mặc dù đường xá xa xôi, cách trở ngàn trùng, Ông/Bà vẫn nhớ đến chúng tôi. Để đáp lại tình tình đó, chúng tôi luôn luôn lo xúc tiến công việc, hy vọng mọi diễn tiến điều hòa để sớm đem lại kết quả mong muốn.

Tuy nhiên, chúng tôi thiên nghĩ chỉ lo dồn phưởng được những vấn đề về phía chúng tôi, còn phần bên phía Ông/Bà nên tích cực lo về phần liên hệ của mình thì mới mong có kết quả tốt đẹp.

Hơn nữa, chúng tôi cũng muốn lưu ý Ông/Bà, vấn đề kinh tế không phải là một tiêu chuẩn, vì vậy ta nên tranh để cấp tối. Mong Ông/Bà hiểu cho điều này.

Câu chúc Ông/Bà may mắn và xin giữ vững niềm tin.

Kính thủ,

Khúc Minh Thở

*** HỒ SƠ TÊN:

☒ ĐIỀN VÀO CÁC MẪU ĐÍNH KẸM: (hoãn về Hội mỗi mẫu 2 bản)

*** TÀI LIỆU CẦN BỔ TÚC:

- ☒ Hồ sơ bảo trở ☐ IV# , ☐ LOI , ☐ Exit visa , ☐ I-171 , ☒ GIẤY RA TRAI
☒ Giấy hộ tịch (khai sanh, hôn thú, giấy ly dị, khai tử v.v...
☐ Căn cước, chứng minh nhân dân, hình, giấy hộ khẩu v.v...
☐ Giấy bảo tử (nếu chệt trong trại học tập)
☐ Tài liệu liên hệ đến tử nhân (mẫu câu hỏi ODP, Diploma, Certificate (nếu tu nghiệp ở Hoa Kỳ huy chương v.v...)

*** CÁC THỦ KHÁC:



POSTAGE PAID
AUSTRALIA

TO: MRS KHUC MINH THO
P.O. box: 5435, ARLINGTON

VA 22205-0635

JUL 0 5 1990

U.S.A

Postage Prepaid Envelope

F: TRUNG LE 46 WESTBANK Tce
RICHMOND VIC 3121 AUSTRALIA

1. Postage on this envelope has been prepaid for one posting only to anywhere within Australia by airmail where an air service is available and would speed delivery.
2. This envelope can only be used for correspondence and documents of up to 500 grams with maximum thickness of 20mm.
3. This envelope is one of four types of Postage Prepaid Envelopes available at any post office.
4. For purchases in lots of 10 and 50 envelopes, discounts of 5% and 10% respectively apply.
5. Other special Australia Post services may be used in conjunction with this envelope.
6. The carriage of this envelope is subject to the General Postal Services Terms and Conditions.

C5 599/0033

Australia Post

Melbourne 26/6/90

Kính Cờ Thơ,

Hôm nay cháu viết thư này trước là chúc cô luôn vui khỏe, thành công trong công việc hằng ngày, và chúc cô luôn vững tiến trên con đường chính nghĩa cô đã vạch ra. Sau đó thay mặt các phụ cháu cảm ơn cô đã dành thời giờ tiếp xúc và giúp đỡ gia đình cháu.

Sau khi được thư cô, ba cháu làm rất cả thể tục gửi sang cho cháu để chuyển cho cô. Vì tâm lý ngại cái tạo họ rất sợ liên lạc hằng với phía Mỹ, nhưng họ đã bị lạc mãi cho đến nay cháu mới nhận được. Cháu với gia đình cô ngay, mong cô giúp đỡ gia đình cháu.

Thay lời các phụ cháu, và lần nữa cháu xin cảm ơn cô đã giúp đỡ gia đình cháu, gửi đến cô lời chào quyết quên phục Việt Nam.

Kính cô.



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: _____

IV# _____

WEWL# _____

I-171 _____ Y _____ NO

EXIT VISA # _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN PHUOC CHANH
Last Middle First

Current Address: 270/49 Dong Da 1 - P2 - Binh Thanh - Ho Chi Minh City

Date of Birth: 11-02-1941 Place of Birth: _____

Previous Occupation (before 1975) Vergent -
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 06-1975 To 10-1980
Years: 05 Months: 04 Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: _____
FAMILIES OF VIETNAMESE
POLITICAL PRISONERS ASSOC.
P.O. BOX 5435
Name ARLINGTON, VA 22205-0635

Address and Telephone Number _____

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

HOI GIA-DINH TU-NHAN CHINH-TRI VIET-NAM P.O. BOX 5435 ARLINGTON, VA. 22205-063

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

NAME (Ten Tu-nhan) : NGUYEN PHUOC SANH
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)
DATE, PLACE OF BIRTH : November 02 1941
(Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)
SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): X Female (Nu): _____
MARITAL STATUS Single (Doc than): _____ Married (Co lap gia dinh): X
(Tinh trang gia dinh):
ADDRESS IN VIETNAM : 270/49 Dong Da 1 - Phuong 2 -
(Dia chi tai Viet-Nam) Quận Bình Thạnh - Hồ Chí Minh City
POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) X No (Khong) _____
If Yes (Neu co): From (Tu): 1975 To (Den): 10/1980
PLACE OF RE-EDUCATION: Bien Hoa - Phu Quoc - Yen Bai - Lao Cai -
CAMP (Trai tu) Viễn Phú (North VN)
PROFESSION (Nghe nghiep): Thợ mộc
EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): _____
VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): Sergeant Major VNSF AIRBORNE
VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): _____ Date (nam): _____
APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): X
IV Number (So ho so): _____
No (Khong): _____
NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): 04
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi ti
MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): 270/49 Dong Da 1 -
Phuong 2 - Quận Bình Thạnh - Hồ Chí Minh City
NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro):

U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (co): _____ No (Khong): _____
RELATIONSHIP WITH PRISONER. (Lien he voi tu nhan tai VN): _____
NAME & SIGNATURE: NGUYEN PHUOC SANH
ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay) 270/49 Dong
Da 1 - Phuong 2 - Quận Bình Thạnh - Hồ Chí Minh City
DATE: 11 01 1989
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

Sanh



5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
VÕ THỊ KIM LOAN	28-4-1939	WIFE
NGUYỄN ĐÌNH VINH	15-4-1965	SON
NGUYỄN PHƯỚC THIÊN	26-4-1966	SON

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

270/49 Đồng Đa 1 - Phường 2
Quận Bình Thạnh - Hồ Chí Minh City

6. ADDITIONAL INFORMATION :

NGUYEN PHUOC SANH
270/49 DONG DA I STREET
BINH THANH DISTRICT
HO CHI MINH CITY

TO: THE AUTHORIZED OFFICER
ORDERLY DEPARTURE PROGRAM (ODP)
United State of America.

Ho Chi Minh City 15. 11. 89

DEAR SIR/MADAM;

I undersigned: Nguyen Phuoc Sanh, living at the mentioned address above.

I was a former soldier of the Republic of South Vietnam Military and servicing under the commanding of United State paratroop commando special force.

In writing this letter to you for consideration of my case as follows:

In 1982, I had applied for immigration to United State under the ODP and been noticed from the department in Bangkok that my application was received on 20, August, 1982. Since then I have not heard any further information about my case.

In 1983, my family had been sponsored by my sister in law to migrate to Australia under Family Re-Union Program. Unfortunately, In 1985, we were unsuccessful in the interview by the Australian immigration representative in Ho Chi Minh City, because of the severe Point Selection System. However, we have been continuously requested the immigration commissioner to review my application but there was no response.

Regarding to my past military career serving for USSF in Vietnam, the current Social Republic of Vietnam government oppresses my family daily activities, as the same time I am constantly being under the parole to the police, my children have many disadvantages from higher education or getting any employment under this government policy.

On June 1989, I was told that the United State government had signed an agreement with the Vietnamese government above the migration of three thousands released former P.O.W to United State under the ODP, starting from October 1989.

Now, I would like the ODP authorized officer to reconsider my situation and accept the settlement of my family in the United State under the ODP.

Attachment with this letter are my military career record serving for the USSF, and a copy of receipt of my accepted application from ODP department on 20/8/1982.

My family would be very grateful to you for the humanitarian consideration and await for your response.

Yours Faithfully:

RECORD OF MY MILITARY CAREER

Name: Nguyen Phuoc Sanh

Date of Birth: 2/11/1941

Enrollment date: 1/4/1963

Military ID: 61/193681

Military Force: Airborne Commando Special Force (VNSF.)

Rank: Senior Sergeant

ACHIEVEMENT RECORDS

1/4/63 - Enrolled the 17th non mission officer course at Nha Trang

12/63 - Transferred to Airborne commando special force.

1/64 - Parachute training and graduated with the parachute qualification.

2/64 - Transferred to C4 Can Tho province, belong to Long Khanh Military camp (C.I.D.G. camp).

10/64 - Joined Second course of special force training, (VNSF. training centre) in Nha Trang.

4/65 - Joined the Ranger training course.

5/65 - Transferred to An Phu military camp at Chau Doc province, under the commanding B19 (equivalent with B42 USSF. of the 5th group - under the commanding of sergeant major O'NEIL.

12/65 - Gave training to MIFORCE at Phu Quoc island.

1966 - Transferred to My Phuoc Tay, under commanding captain OUTOU.

1967 - Transferred to B18 Moc Hoa (B41 USSF. under the commanding of captain BOWELL).

70-75 - Transferred to Liaison Service section to collaborate with MACSOG OP. 35 H.Q. at highland regions (Pleiku, Kontum).

75-80 - Prisoner of war.

Bravery Awards: - 9 silver medals.
- 1 bronze medal.
- 1 special bravery and heroic medal.
- 1 parachute qualification issued by the 5th group of USSF.

DETAILS OF MY FAMILY MEMBERS WHO WILL ACCOMPANY ME:

<u>NAME:</u>	<u>D.O.B.</u>	<u>P.O.B.</u>	<u>RELATIONSHIP</u>
1. VO THI KIM LOAN	28/4/1939	LONG XUYEN	WIFE
2. NGUYEN DINH VINH	15/4/1966	LONG XUYEN	SON
3. NGUYEN PHUOC THIEN	26/4/1967	LONG XUYEN	SON

Melbourne 29/11/89

Cô Thơ kính mến,

Thời gian qua cháu có đọc báo chí viết ngổ ngáo, đề cập đến sự thành công của cô và Hội Gia đình từ chính trị, nay cháu viết thư này để tỏ lòng kính phục cô và nhờ cô giúp đỡ cho ông nội cháu.

Kính thưa cô, ba vợ cháu trước ngày mất nước là quân nhân Quân lực Việt Nam cộng hòa, thuộc binh chủng biệt kích dù, từ ngày Việt cộng cướp chiến miền Nam, ba cháu phải bị cải tạo ở các trại tù miền Nam cũng như miền Bắc, đến năm 80 ba cháu mới được thả ra, từ đó đến nay ba cháu về gia đình phải sống chật vật, trong nỗi lo sợ bị bắt lại lần nữa, gần đây cháu được biết chính phủ Hoa Kỳ có chấp thuận chính sách khai thả những người trước đây có làm việc với người Mỹ được sang định cư ở Hoa Kỳ, ba cháu có gửi đơn xin - xin xét mãi đến nay vẫn chưa nhận được tin tức. Năm 82 ba cháu cũng có nộp đơn xin đi theo chương trình O.D.P, nhận được giấy báo cho biết có nhận hồ sơ nhưng mãi đến nay chưa thấy có tí kết quả nào. Nay cháu kèm theo thư này tất cả hồ sơ gia đình vợ cháu, xin cô xem xét và giúp đỡ gia đình vợ cháu. Cháu thành thật cảm ơn cô trước và chúc cô dồi dào sức khỏe để đạt thành cho ước nguyện cho ông bà còn kẹt dưới ách thực trị đó.

Kính thư,

lhu

AIR MAIL
PAR AVION

DEC 05 1989

To: MRS KHUC MINH THO
P.O box 5435 ARLINGTON
VA 22205
U.S.A

POSTAGE
AUSTRALIA POST
\$121.1233
1246 20.11.89
\$019.119
\$1321.30

RUNG LE
46 WESTBANK, RICHMOND
VIC 3121
AUSTRALIA



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

IV#:

VEWL.#:

I-171#: Y NO

EXIT VISA#:

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM SANH PHƯỚC NGUYỄN
Last Middle First

Current Address: 270/49 ĐỒNG ĐÀ 1 - PHƯỜNG 2 - QUẬN BÌNH - THANH
HỒ CHÍ MINH CITY

Date of Birth: 2-11-1941 Place of Birth: TRÀ VINH

Previous Occupation (before 1975) SERGEANT-MAJOR - OPERATION SERGEANT
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 20-8-1975 To 30-9-1980
Years: 5 Months: 1 Days: 10

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: 17-1-1990

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : SANH PHƯỚC NGUYỄN
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
VÕ THỊ KIM LOAN	28-4-1939	WIFE
NGUYỄN ĐÌNH VINH	15-4-1966	SON (Single)
NGUYỄN PHƯỚC THIÊN	26-4-1967	SON (Single)

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

270/49 ĐỒNG ĐÀ 1 - PHƯỜNG 2
QUẬN BÌNH THẠNH - HỒ CHÍ MINH CITY

6.. ADDITIONAL INFORMATION :

- Bravery Awards :
 - 9 Silver medals.
 - 1 Bronze medal
 - 1 Spécial bravery and heroic medal
 - 1 Parachute Certificate by VIỆT NAM SPECIAL-FORCE (VNSEF)
 - 1 Parachute qualification issued by the 5th USSF GROUP.
- IN RE-EDUCATION CAMP (1975-1980) : BIÊN HÒA - PHÚ QUỐC (South VN) - LAO CAI - SƠN LA - YÊN BÁI - VINH PHÚ (NORTH VN).

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu số 001-QLTG, ban hành theo công văn số 2505 ngày 21 tháng 11 năm 1972.

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Trại CT Tân Lập

Số 342/GT

0 1 0 1 3 7 7 1 3 8 5 2

SHSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 960-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Công an

Thi hành MUVWV quyết định tha số 342 ngày 31 tháng 8 năm 1980

của Bộ Nội vụ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh Nguyễn Phước Sanh

Họ, tên thường gọi

Họ, tên bí danh

Sinh ngày tháng năm 1941

Nơi sinh Trữ vịnh

Nơi đăng ký nhận khẩu thường trú trước khi bị bắt
Tân sơn, Quận Tân bình, TP Hồ chí Minh

Cán tội Pháo mìn

Bị bắt ngày 20-8-1975 An phạt TTCT

Theo quyết định, án văn số ngày tháng năm của

Đã bị tăng án lần, cộng thành năm tháng

Đã được giảm án lần, cộng hành năm tháng

Nay về cư trú tại LD Đường phố, Tân sơn, Tân bình, TP Hồ chí Minh

Nhận xét quá trình cải tạo

Tư tưởng: tin tưởng vào đường lối chính sách giáo dục của Đảng và Nhà nước. Trong lao động có nhiều cố gắng. Học tập thay gia đầy đủ. Mọi suy chấp hành nghiêm. Hàng năm xếp loại cải tạo trung bình.

Lên tay người trả phí

Có Nguyễn Phước Sanh

Danh bản số 2245

Lập tại quán Pháp.



Nguyễn Phước Sanh

Thiếu tá: Bùi Văn Chiêu

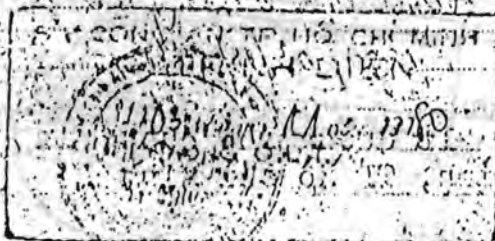
Công An Phòng 4 Quận Tân Bình
xét nhận

gày 30/9/80

100g CA



Pháp luật



Số: 2064 / VP / UB
SAULY H. CHAM
Ngày 14 tháng 10 năm 1988
TM UBND F2/B
HY VIET THUY



Nguyễn Văn Thúc



ĐÔ - THÀNH SAIGON

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

Tòa hành chánh quận Nhì

TRÍCH LỤC BỘ HÔN THỦ



SỐ HIỆU 03

NĂM 19 64

Tên, họ chồng	NGUYỄN-PHƯỚC-SANH
Ngày và nơi sanh	2/II/1941, Trà-Vinh
Tên họ cha chồng	Nguyễn-văn-Thuần(c)
Tên họ mẹ chồng	Hồ-thị-Biến(s)
Tên, họ vợ	VÕ-THỊ-KIM-LOAN
Ngày và nơi sanh	28/4/1933 Mỹ-hiệp, Longxuyên
Tên họ cha vợ	Võ-sanh-Hoành(c)
Tên họ mẹ vợ	Trương-thị-Tích(s)
Ngày lập hôn thú	20 tháng 01 năm 1964
Có lập hôn ước không	-----

MIỄN LỆ PHÍ

TRÍCH LỤC Y BỔN CHÍNH



ngày 20 tháng 03 năm 19 73
QUẢN TRƯỞNG QUẬN II st

DƯƠNG HỮU XƯƠNG

Trích lục văn kiện theo vi hệ tịch lưu trữ tại Phòng Lưu trữ

QUYỀN TƯ PHÁP

Toà Tòa-Giải Đông-quốc: Nhân-tộc

QUYỀN TƯ PHÁP NAM-PHẦN

TRƯỜNG TUYÊN-ĐỨC

Một bản chánh gây thế vi Khai-sau

Ngày 3/1/1965

do Võ-Thị-KIM-Loan

xin cấp đã được

ngày 3/1/1965

Ông Đoàn-Bá-Lộc

chánh tòa Tòa TUYÊN-ĐỨC

W-THI-KIM-Loan

với tư cách Thẩm-Phán Hoà-Giải, lập ngày

3/1/1965

ngày 3/1/1965

và đã trước-bạ :

TRÍCH RA NHƯ SAU ĐÂY :

Những nhân chứng này, sau khi nghe đọc diễn 16 của Nhà-dân
ngày 17-11-1947 của Thủ-Tướng Chánh-Phủ Lào-Thời Nam-Phần
Việt-Nam và đến 555 và 556 theo Hình-Luật Cảnh CH, sau đó
Sắc-Lệnh ngày 31-12-1942 về sau khi tuyên-thệ, quyết và
chắc rằng.

W-THI-KIM-LOAN, nữ, sinh ngày 20 tháng 4 năm
1930, tại làng Mỹ-Hiệp (tỉnh Long-Xuyên) con của Võ-Sanh-
Hoành và Trương-Thị-Tịch ./.

TRÍCH LỤC Y THEO BẢN CHÁNH

Châu-Đức

1 tháng 6 năm 1965

1 A. phôi 1300

Trên đây là bản
và nằm trên đây
và bản trích-lục.



Handwritten signature or initials.

Số cost và tính mới. Et:

Handwritten signature or initials.

Số hiệu : _____

920.

KHAI SANH

Tên, họ ấu-nhi : Nguyễn-Định-Vinh .
Phái : Nam
Sanh : Mười lăm tháng tư, năm một ngàn chín trăm
Tạ : (Mỹ-Phước) sáu mươi sáu.
Cha : Nguyễn Phước Sanh
(Tên, họ)
Tuổi : Hai mươi lăm tuổi
Nghề - nghiệp : Trung-Sĩ
Cư - trú tại : Mỹ-Phước
Mẹ : Võ Thị Kim Loan
(Tên, họ)
Tuổi : Hai mươi bảy tuổi
Nghề - nghiệp : Nội-trợ
Cư - trú tại : Mỹ-Phước
Vợ : Võ-Chánh
Người khai : Phan Văn Bền
(Tên, họ)
Tuổi : Sáu mươi ba tuổi
Nghề - nghiệp : Bác-Sĩ
Cư - trú tại : Mỹ-Phước
Ngày khai : 19 tháng 4dl, 1966
Người chứng thứ nhất : Le Thị Tươi
(Tên, họ)
Tuổi : Hai mươi lăm tuổi
Nghề - nghiệp : Nữ hộ sinh
Cư - trú tại : Mỹ-Phước
Người chứng thứ nhì : Le Thị Đẹt
(Tên, họ)
Tuổi : Bốn mươi chín tuổi
Nghề - nghiệp : Lao Công
Cư - trú tại : Mỹ-Phước

Làm tại Mỹ-Phước. , ngày 19 tháng 4dl, năm 1966.

KIỂM-BỘ

Người khai,

Hộ lại,

Nhân chứng

Kiểm soát Đứng y trong

Phan Văn Bền

Nguyễn Duy Hình

Le Thị Tươi

(kyten)

(kyten)

Le Thị Đẹt (kyten)

855.

KHAI SANH

Tên, họ ấu-nhi: Nguyễn-hức-biên .
 Phái: Nam
 Sinh: Hai mươi sáu, tháng tư, năm một ngàn chín
 (Ngày, tháng, năm)
 Tại: (Mỹ-hước) trăm sáu mươi bảy. .
 Cha: Nguyễn-hức-sanh
 (Tên, họ)
 Tuổi: Hai mươi sáu tuổi
 Nghề-nghiep: viên nhân
 Cư-trú tại: Mỹ-hước
 Mẹ: Võ-Thị Kim Loan
 (Tên, họ)
 Tuổi: Hai mươi tám tuổi
 Nghề-nghiep: Nội-trợ
 Cư-trú tại: Mỹ-hước
 Vợ: Vợ-chánh
 Người khai: Huỳnh-Trung-Nhi
 (Tên, họ)
 Tuổi: Bốn mươi lăm tuổi
 Nghề-nghiep: Bác-Sĩ
 Cư-trú tại: Mỹ-hước
 Ngày khai: 27 tháng 4đ1, 1967
 Người chứng thứ nhất: Bùi-Thị-Nguyễn-Nga
 (Tên, họ)
 Tuổi: Ba mươi tám tuổi
 Nghề-nghiep: Nữ hộ sinh
 Cư-trú tại: Mỹ-hước
 Người chứng thứ nhì: Nguyễn Kim Toàn
 (Tên, họ)
 Tuổi: Ba mươi hai tuổi
 Nghề-nghiep: Nữ hộ sinh
 Cư-trú tại: Mỹ-hước

Làm tại Mỹ-hước , ngày 27 tháng 4đ1, năm 1967.

Người khai, Huỳnh-Trung-Nhi (kyten)
 Hộ lợi, Trần Văn Khau (kyten)
 Nhận chứng, Bùi-Thị-Nguyễn-Nga (kyten)
Nguyễn Kim Toàn (kyten)



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: _____

IV#: _____

VEWL.#: _____

I-171#: Y NO

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM SANH PHƯỚC NGUYỄN
Last Middle First

Current Address: 270/49 ĐỒNG ĐÀ 1 - PHƯỜNG 2 - QUẬN BÌNH THẠNH - HỒ CHÍ MINH CITY

Date of Birth: 2-11-1941 Place of Birth: TRÀ VINH

Previous Occupation (before 1975) SERGEANT MAJOR - OPERATION SERGEANT
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 20-8-1975 To 30-9-1980
Years: 5 Months: 1 Days: 10

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: 17-1-1990

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : SANH PHƯỚC NGUYỄN
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
VÕ THỊ KIM LOAN	28.4.1939	WIFE
NGUYỄN BÌNH VINH	15.4.1966	SON (single)
NGUYỄN PHƯỚC THIÊN	26.4.1967	SON (single)

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

270/49 ĐỒNG ĐÀ 1 - PHƯỜNG 2
QUẬN BÌNH THẠNH - HỒ CHÍ MINH CITY

6. ADDITIONAL INFORMATION :

- Bravery Awards :
 - 9 Silver medals
 - 1 Bronze medal
 - 1 Special bravery and heroic medal
 - 1 Parachute Certificate by VIỆT NAM SPECIAL FORCE (VNSF)
 - 1 Parachute qualification issued by the 5th USSF GROUP.
- IN RE-EDUCATION CAMP (1975 - 1980) : BIÊN HÒA - PHÚ QUỐC (South VN) - LÀO CAI - SƠN LA - YÊN BÁI - VINH PHÚ (NORTH VN)

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTG, ban hành theo công văn số 2565 ngày 21 tháng 11 năm 1972

Trại CT-Tân Lập

Số 342-GKT

0 0 1 3 7 7 1 3 8 5 2

SHSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Công an.

Thi hành ~~VVVVVV~~ quyết định tha số 342 ngày 31 tháng 8 năm 1980

của Bộ Nội vụ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh: Nguyễn Phước Sanh

Họ, tên thường gọi:

Họ, tên bí danh:

Sinh ngày tháng năm 1941

Nơi sinh: TP Vinh

Nơi đăng ký nhận khẩu thường trú trước khi bị bắt: TP Vinh, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh

Cán tội: Phạt cải tạo

Bị bắt ngày 20-8-1975 An ninh TTCT

Theo quyết định, án văn số ngày tháng năm của

Đã bị tăng án lần, cộng thành năm tháng

Đã được giảm án lần, cộng hành năm tháng

Nay về cư trú tại: LD Đường nhỏ Quang, Tân Sơn, Tân Bình, TP Hồ Chí Minh

Nhận xét quá trình cải tạo

Tư tưởng: tin tưởng vào đường lối chính sách giáo dục của Đảng và Nhà nước. Trong lao động có nhiều cố gắng. Học tập tham gia đầy đủ mọi suy chấp hành nghiêm. Hàng năm xếp loại cải tạo trung bình.

Lên tay ngón trỏ phải

CSS Nguyễn Phước Sanh

Danh bản số 2245

Lập tại: Quận Pháp.



Họ, tên: Nguyễn Phước Sanh

Người được cấp giấy

Nguyễn Phước Sanh

Ngày cấp: 31/8/1980

Chức vụ: Giám thị

Thiếu tá: Bùi Văn Chiêu

Tòa hành chánh quận Nhì

TRÍCH LỤC BỘ HÔN THỦ



SỐ HIỆU

03

NĂM 19

64

Tên, họ chồng	NGUYỄN-PHƯỚC-SANH
Ngày và nơi sanh	2/II/1941, Trà-Vinh
Tên họ cha chồng	Nguyễn-văn-Thuần(c)
Tên họ mẹ chồng	Hồ-thị-Biểu(s)
Tên, họ vợ	VÕ-THỊ-KIM-LOAN
Ngày và nơi sanh	28/4/1939 Mỹ-hiệp, Longxuyên
Tên họ cha vợ	Võ-sanh-Hoành(c)
Tên họ mẹ vợ	Trương-thị-Tích(s)
Ngày lập hôn thú	20 tháng 01 năm 1964
Có lập hôn khế không	-----

MIỄN LỆ PHÍ



TRÍCH LỤC Y BẢN CHÍNH

ngày 20 tháng 03 năm 19 73

QUẢN TRƯỞNG QUẬN II st

DUYNG HUU XUONG

ĐOÀN-HU-THÁP

Toà Tòa-Giải Phóng-quyền nhân-dân-Tổ

ĐOÀN-HU-THÁP ĐOÀN-HU-THÁP

7.3.1950. 1.Đoàn-Hu-Tháp

Một bản chính giấy thả vì Khai-sanh

Ngày 3/3/1953

do Võ-Thị-Kim-Loan

xin cấp đã được

Đoàn-Hu-Tháp

Công Đoàn-Bá-Lộc

ban hành Toà Tòa-Giải Phóng-quyền nhân-dân-Tổ

Đoàn-Hu-Tháp

với tư cách Thẩm-Phán Hoà-Giải, lập ngay

3/3/1953

Ngày 3.3.1953

và đã trước-bạ :

TRÍCH RA NHƯ SAU ĐÂY :

Những nhân chứng này, sau khi nghe đọc diễn 16 của Nghị-dịch ngày 17-11-1947 của Thủ-Tướng Chính-Thủ Tôn-Thất-Nam-Phước Việt-Nam và đến 665 và ra lập Phê-Luật Cảnh CH. của Thủ-Tướng Chính-Thủ Tôn-Thất-Nam-Phước ngày 31-12-1947 ra lập Phê-Luật Cảnh CH. của Thủ-Tướng Chính-Thủ Tôn-Thất-Nam-Phước và nói rằng :

VÕ-THỊ-KIM-LOAN, nữ, sinh ngày 20 tháng 4 năm 1923, tại làng Mỹ-Hiệp (tỉnh Long-Xuyên) con của Võ-Sanh-Hoàn và Trương-Thị-Tịch ./.

TRÍCH-LỤC Y THEO BẢN CHÍNH

Chợ-Lạc-Sự 1 tháng 3 năm 1953

Là-phụ 1950

Cấp lại sổ, ngày tháng, và nêu trên đây một bản trích-lục.



Handwritten signature.

Đã soát và tính mới. 1/3/53

Handwritten signature.

Số hiệu : _____

920.

KHAI SANH

Tên, họ ấu-nhi : Nguyễn-Đình-Vinh .
Phái : Nam
Sanh : Mười lăm tháng tư, năm một ngàn chín trăm
(Ngày, tháng, năm)
Tại : (Mỹ-Phước) sáu mươi sáu.
Cha : Nguyễn Phước Sinh
(Tên, họ)
Tuổi : Hai mươi lăm tuổi
Nghề - nghiệp : Trung-Sĩ
Cư - trú tại : Mỹ-Phước
Mẹ : Võ Thị Kim Loan
(Tên, họ)
Tuổi : Hai mươi bảy tuổi
Nghề - nghiệp : Nội-trợ
Cư - trú tại : Mỹ-Phước
Vợ : Võ-Chánh
Người khai : Phan Văn Bân
(Tên, họ)
Tuổi : Sáu mươi ba tuổi
Nghề - nghiệp : Bác-Sĩ
Cư - trú tại : Mỹ-Phước
Ngày khai : 19 tháng 4đl, 1966
Người chứng thứ nhất : Lê Thị Tươi
(Tên, họ)
Tuổi : Hai mươi lăm tuổi
Nghề - nghiệp : Nữ hộ sinh
Cư - trú tại : Mỹ-Phước
Người chứng thứ nhì : Lê Thị Đẹt
(Tên, họ)
Tuổi : Bốn mươi chín tuổi
Nghề - nghiệp : Lao Công
Cư - trú tại : Mỹ-Phước

ĐƠN TUYÊN BỐ
ĐÔI NĂM 66
Ngày 7 tháng 8 năm 1966
VIỆN HỒ SƠ



Làm tại Mỹ-Phước. ngày 19 tháng 4đl, năm 1966.

KIỂM-BO
Người khai, Hộ lại, Nhân chứng
Phan Văn Bân * Nguyễn Duy Hình Lê Thị Tươi
(kyten) (kyten) Lê Thị Đẹt(kyten)

8955.

KHAI SANH

Tên, họ ấu-nhi: Nguyễn-hức-hiện.

Phái: Nam

Sinh: Hai mươi sáu, tháng tư, năm một ngàn chín
(Ngày, tháng, năm)

Tại: (Mỹ-hước) trăm sáu mươi bảy.

Cha: Nguyễn-hức-Sanh
(Tên, họ)

Tuổi: Hai mươi sáu tuổi

Nghề-nghiep: viên nhân

Cư-trú tại: Mỹ-hước

Mẹ: Võ Thị Kim Loan
(Tên, họ)

Tuổi: Hai mươi tám tuổi

Nghề-nghiep: Nội-trợ

Cư-trú tại: Mỹ-hước

Vợ: Vợ-chánh

Người khai: Huỳnh-Trung-Nhi
(Tên, họ)

Tuổi: Bốn mươi lăm tuổi

Nghề-nghiep: Bác-Sĩ

Cư-trú tại: Mỹ-hước

Ngày khai: 27 tháng 4dl, 1967

Người chứng thứ nhất: Bùi Thị Nguy Nga
(Tên, họ)

Tuổi: Ba mươi tám tuổi

Nghề-nghiep: Nữ họ sinh

Cư-trú tại: Mỹ-hước

Người chứng thứ nhì: Nguyễn Kim Toàn
(Tên, họ)

Tuổi: Ba mươi hai tuổi

Nghề-nghiep: Nữ họ sinh

Cư-trú tại: Mỹ-hước

HO T ĐĂNG TRUNG Đ
ĐỜI NĂM 67

Đã khai ngày 7 tháng 8 năm 1967
ĐY-VIÊN HỒ-TIẾU



Làm tại Mỹ-hước, ngày 27 tháng 4dl, năm 1967.

ĐIỂM-BO
Đã kiểm soát đúng y trong
ĐY-VIÊN-SOÁT

Người khai, Hộ lợi, Nhận chứng
Huỳnh-Trung-Nhi Trần Văn Khanh Bùi Thị Nguy Nga
(kyten) (kyten) Nguyễn Kim Toàn (kyten)

TRẦN-THỊ-KIM-TRANG

---*---

Ngày 22 Tháng 12 Năm 1989

Kính gửi :

Ngayên Thước S. Paul

Thưa Ông/Bà,

Chúng tôi rất cảm động khi nhận được thư của Ông/Bà
đến ngày

Điều làm cho chúng tôi vui mừng hơn là được biết Ông/Bà
vẫn mạnh và kiên tâm chờ ngày đoàn tụ.

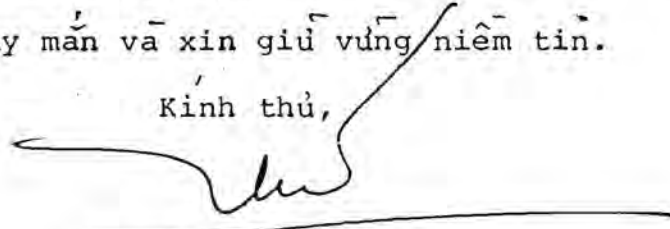
Mặc dù đường xá xa xôi, cách trở ngàn trùng, Ông/Bà vẫn
nhớ đến chúng tôi. Để đáp lại tình tình đó, chúng tôi luôn
luôn lo xúc tiến công việc, hy vọng mọi điều kiện thuận lợi
sớm đem lại kết quả mong muốn.

Tuy nhiên, chúng tôi thiên nghĩ chỉ lo dồn phởn được
những vấn đề về phía chúng tôi, còn phần bên nhà, Ông/Bà nên
tích cực lo về phần liên hệ của mình thì mới mong có kết
quả tốt đẹp.

Hơn nữa, chúng tôi cũng muốn lưu ý Ông/Bà, vấn đề kinh
tế không phải là một tiêu chuẩn, vì vậy ta nên tránh đề cập
tới. Mong Ông/Bà hiểu cho điều này.

Câu chúc Ông/Bà may mắn và xin giữ vững niềm tin.

Kính thủ,



Khúc Minh Thở

*** HỒ SƠ TÊN:

☒ ĐIỀN VÀO CÁC MẪU ĐÍNH KẸM: (hoàn về Hội mỗi mẫu 2 bản)

*** TÀI LIỆU CẦN BỔ TÚC:

☒ Hồ sơ bảo trợ ☐ IV#, ☐ LOI, ☐ Exit visa ☐ I-171, ☒ GIẤY RA TRẠI

☒ Giấy hộ tịch (khôi sanh, hôn thú, giấy ly dị, khai tử v.v...

☐ Căn cước, chứng minh nhân dân, hình, giấy hộ khẩu v.v...

☐ Giấy báo tử (nếu chết trong trại học tập)

☐ Tài liệu liên hệ đến tư nhân (mẫu câu hỏi ODP, Diploma, Certificate (nếu tu nghiệp ở Hoa Kỳ
huy chương v.v...

*** CÁC THỦ KHÁC:

Sài Gòn, ngày 17 tháng 1 năm 1990.

Kính gửi: Bà Chủ tịch Hội Gia đình Tự Nhân
Chính Trị Việt Nam

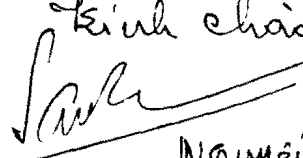
Thưa Bà,

Chúng tôi rất vui mừng nhận được thư
hỏi thăm của Bà, đây cũng là liều thuốc bổ giúp
cho chúng tôi đủ nghị lực chờ đợi kết quả mà
Hội mang lại cho chúng tôi. Thay mặt gia đình
tôi xin gửi đến Bà và Hội lời chúc mừng
tốt đẹp nhất.

Theo yêu cầu của Bà, tôi xin gửi đến Bà
hồ sơ của gia đình tôi gồm giấy ra trại của tôi,
hôn thú, khai sinh của vợ và 2 con của tôi,
mẫu thẻ 2 bản. Rất mong Bà giúp cho chúng
tôi được giấy LOI, để chúng tôi tiến hành việc
xin gặp phái đoàn Hoa Kỳ phỏng vấn, phần này
chúng tôi có thể làm được ở Việt Nam.

Đã 15 năm qua, chúng tôi khổ đau, vất vả
đãi vùi, nay được Bà quan tâm, xin Bà giúp
chúng tôi có được tương lai tốt đẹp.

Chúng tôi rất trân trọng tin Bà, khi nhận được
hồ sơ xin Bà thông báo để chúng tôi an lòng.
Kính chúc Bà và Hội Gia đình Tự Nhân Chính
Trị Việt Nam được dồi dào sức khỏe và đạt mọi
thống lợi tốt đẹp.

Kính chào Bà

Nguyễn Phước Sanh

FM. Nguyễn Phước Sanh
270/49 Đống Đa 1 - P.2
Bình Thạnh - Hồ Chí Minh City
VIỆTNAM

Hồ sơ hồ sơ

FEB 27 1990



Kính gửi:
Bà KHUẾ-MINH-THƠ
P.O BOX 5435
ARLINGTON, VA 22205-0635
U.S.A.



C O N T R O L

____ Card
____ Doc. Request; Form
____ Release Order
____ Computer
____ Form "D"
____ ODP/Date
____ Membership; ~~Letter~~

6/14/90